#### **ĐẶC TẢ CÁC USECASE TRONG USECASE “QUẢN LÝ KHÓA HỌC”**

#### **Đặc tả “UC001-Tạo khóa học”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC001 | Tên use case | Tạo khóa học |
| Tác nhân | Giáo viên | | |
| Mục đích sử dụng | Giáo viên tạo khóa học | | |
| Sự kiện kích hoạt | Giáo viên chọn chức năng tạo khóa học. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Giáo viên đã đăng nhập vào hệ thống * Giáo viên có quyền tạo khóa học | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Giáo viên chọn chức năng tạo khóa học 2. Hệ thống hiển thị mẫu tạo khóa học 3. Giáo viên nhập các thông tin về khóa học 4. Giáo viên tải lên các tài liệu và video bài giảng. 5. Giáo viên nhấn nút : “Gửi yêu cầu tạo khóa học” 6. Hệ thống kiểm tra các trường bắt buộc của khóa học và các file tài liệu khóa học tải lên có hợp lệ hay không. 7. Hệ thống lưu thông tin khóa học, đưa khóa học vào trạng thái chờ duyệt, sau đó gửi yêu cầu duyệt khóa học đến quản trị viên. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 6a. Hệ thống thông báo lỗi: thông tin khóa học không hợp lệ.  6b. Hệ thống thông báo lỗi: tải lên file không hợp lệ. | | |
| Hậu điều kiện | * Khóa học mới được tạo và đưa vào trạng thái "Chờ duyệt". * Hệ thống lưu thông tin khóa học vào cơ sở dữ liệu. * Giáo viên có thể xem lại trạng thái của khóa học (đang chờ duyệt) trong danh sách khóa học của mình. | | |

#### **Đặc tả “UC002-Chỉnh sửa thông tin khóa học”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC002 | Tên use case | Chỉnh sửa thông tin khóa học |
| Tác nhân | Giáo viên | | |
| Mục đích sử dụng | Giáo viên chỉnh sửa khóa học | | |
| Sự kiện kích hoạt | Giáo viên chọn chức năng chỉnh sửa thông tin khóa học. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Giáo viên đã đăng nhập vào hệ thống * Giáo viên có quyền tạo chỉnh sửa khóa học đã tạo | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Giáo viên chọn khóa học đã tạo và chọn nút “Chỉnh sửa thông tin khóa học” 2. Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa thông tin khóa học: tên, mô tả, danh mục, giá khóa học 3. Giáo viên chọn các trường thông tin muốn thay đổi và chỉnh sửa. 4. Giáo viên nhấn nút “Cập nhật thông tin khóa học”   Hệ thống kiểm tra các trường bắt buộc có hợp lệ hay không   1. Hệ thống thông báo cập nhật thông tin khóa học thành công và lưu trữ thông tin khóa học vào cơ sở dữ liệu | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 5a. Hệ thống thông báo lỗi: thông tin khóa học không hợp lệ. | | |
| Hậu điều kiện | * Khóa học được cập nhật thông tin thành công. * Hệ thống lưu thông tin khóa học vào cơ sở dữ liệu. | | |

#### **Đặc tả “UC003-Chỉnh sửa tài liệu khóa học”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC003 | Tên use case | Chỉnh sửa tài liệu khóa học |
| Tác nhân | Giáo viên | | |
| Mục đích sử dụng | Giáo viên chỉnh sửa khóa học | | |
| Sự kiện kích hoạt | Giáo viên chọn chức năng chỉnh sửa tài liệu khóa học. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Giáo viên đã đăng nhập vào hệ thống * Giáo viên có quyền tạo chỉnh sửa khóa học đã tạo | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Giáo viên chọn khóa học đã tạo và chọn nút “Chỉnh sửa tài liệu khóa học” 2. Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa tài liệu khóa học: danh sách các tài liệu và video bài giảng cho khóa học 3. Giáo viên tải lên các tài liệu, video mới hoặc cập nhật, xóa các video bài giảng đã có. 4. Giáo viên nhấn nút “Cập nhật tài liệu khóa học” 5. Hệ thống kiểm tra các tài liệu, video giáo viên tải lên có hợp lệ hay không 6. Hệ thống thông báo cập nhật tài liệu khóa học thành công và lưu trữ thông tin khóa học vào cơ sở dữ liệu | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 5a. Hệ thống thông báo lỗi: tài liệu tải lên không hợp lệ. | | |
| Hậu điều kiện | * Khóa học được cập nhật tài liệu thành công. * Hệ thống lưu tài liệu khóa học vào cơ sở dữ liệu. | | |

#### **Đặc tả “UC004-Xóa khóa học”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC004 | Tên use case | Xóa khóa học |
| Tác nhân | Giáo viên | | |
| Mục đích sử dụng | Giáo viên xóa khóa học | | |
| Sự kiện kích hoạt | Giáo viên chọn chức năng xóa khóa học. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Giáo viên đã đăng nhập vào hệ thống * Giáo viên có quyền tạo xóa khóa học đã tạo * Khóa học không có học viên đang theo học hoặc có chính sách xóa đặc biệt. | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Giáo viên chọn khóa học đã tạo và chọn nút “Xóa khóa học” 2. Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận xóa khóa học 3. Giáo viên ấn nút xác nhận xóa khóa học 4. Hệ thống kiểm tra khóa học có học viên theo học hay không hoặc có chính sách cho phép xóa hay không 5. Hệ thống xóa khóa học khỏi cơ sở dữ liệu và thông báo xóa khóa học thành công | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 4a. Hệ thống thông báo lỗi: không thể xóa khóa học do còn học viên theo học | | |
| Hậu điều kiện | * Khóa học bị xóa khỏi hệ thống thành công. | | |

#### **Đặc tả “UC005-Trả lời câu hỏi”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC005 | Tên use case | Trả lời câu hỏi |
| Tác nhân | Giáo viên | | |
| Mục đích sử dụng | Giáo viên trả lời các câu hỏi của học viên trong khóa học. | | |
| Sự kiện kích hoạt | Giáo viên chọn chức năng xóa khóa học. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Giáo viên đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Giáo viên chọn khóa học đã tạo và chọn nút “Câu hỏi và thảo luận” 2. Hệ thống hiển thị danh sách các câu hỏi mà học viên đặt ra của khóa học 3. Giáo viên chọn câu hỏi cần trả lời 4. Giáo viên nhập câu trả lời 5. Giáo viên ấn nút “Gửi câu trả lời” 6. Hệ thống lưu câu trả lời , thông báo “Gửi câu trả lời thành công” và hiển thị cho học sinh. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 3a. Hệ thống thông báo lỗi: Câu hỏi không tồn tại  5a. Hệ thống thông báo lỗi: Câu trả lời không hợp lệ | | |
| Hậu điều kiện | * Câu trả lời được lưu và hiển thị cho học viên. | | |